



Người ký: Văn phòng Sở
Email: sonnpnti@hungyen.gov.vn
Cơ quan: Sở Nông nghiệp và Phát
triển nông thôn, Tỉnh Hưng Yên
Thời gian ký: 16.10.2017
14:20:01 - 07:00

UBND TỈNH HƯNG YÊN
SỞ NÔNG NGHIỆP & PTNT

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

Số: 813/SNN-CN

V/v góp ý kiến vào Dự thảo quy
định về điều kiện chăn nuôi

Hưng Yên, ngày 12 tháng 10 năm 2017

Kính gửi: - Sở Tư Pháp
- Phòng Nông nghiệp & PTNT (Kinh tế) các huyện, thành phố

Thực hiện ý kiến chỉ đạo của UBND tỉnh về việc xây dựng Quy định về điều kiện chăn nuôi trên địa bàn tỉnh. Sở Nông nghiệp & PTNT đã xây dựng xong dự thảo “**Quy định về điều kiện chăn nuôi trên địa bàn tỉnh**”;

Để Quy định sớm được triển khai trên địa bàn tỉnh và có tính khả thi cao Sở Nông nghiệp & PTNT gửi Sở Tư Pháp, Phòng Nông nghiệp & PTNT (kinh tế) các huyện, thành phố tham gia, góp ý để hoàn thiện. Các ý kiến đóng góp cho Quy định xin gửi trước ngày 26/10/2017 về địa chỉ:

Phòng Chăn nuôi – Sở Nông nghiệp & PTNT

Địa chỉ: Số 1, Nguyễn Lương Bằng, Thành phố Hưng Yên

ĐT: 03213. 865.583

Email: Channuoihy@gmail.com

Nơi nhận:

- Như kính gửi;
- Lưu VP.

**KT.GIÁM ĐỐC
PHÓ GIÁM ĐỐC**



Nguyễn Văn Phú

DỰ THẢO

QUY ĐỊNH

Về quy định điều kiện chăn nuôi trên địa bàn tỉnh Hưng Yên

*(Ban hành kèm theo Quyết định số /QĐ-UBND ngày tháng năm 2017
của UBND tỉnh Hưng Yên).*

**Chương I
NHỮNG QUY ĐỊNH CHUNG**

Điều 1. Mục tiêu:

1. Kiểm soát hoạt động chăn nuôi trên địa bàn tỉnh Hưng Yên nhằm đảm bảo phát triển bền vững, phòng chống dịch bệnh có hiệu quả, đảm bảo an toàn thực phẩm và bảo vệ môi trường và sức khỏe cộng đồng.

2. Khuyến khích phát triển chăn nuôi công nghiệp chuỗi ngành hàng, xa khu dân cư và áp dụng các biện pháp thực hành tốt trong chăn nuôi để đảm bảo tăng trưởng bền vững và đạt hiệu quả kinh tế cao.

Điều 2. Phạm vi điều chỉnh

Quy định này quy định các điều kiện về chăn nuôi tập trung, chăn nuôi hộ gia đình và những hành vi bị cấm trong chăn nuôi.

Điều 3. Đối tượng áp dụng

Quy định này áp dụng đối với các tổ chức, cá nhân người Việt Nam, người nước ngoài có hoạt động chăn nuôi trên địa bàn tỉnh Hưng Yên.

Điều 4. Giải thích từ ngữ

1. Chăn nuôi tập trung: là cơ sở chăn nuôi của các Doanh nghiệp hoặc cơ sở chăn nuôi từ quy mô trang trại của các tổ chức, cá nhân có quy mô chăn nuôi đạt tiêu chí trang trại do cơ quan quản lý nhà nước có thẩm quyền cấp giấy chứng nhận

2. Chăn nuôi hộ gia đình: là hình thức chăn nuôi ở hộ gia đình, với quy mô dưới quy mô trang trại

3. Chăn nuôi trang trại: Theo quy định của Thông tư số 27/2011/TT-BNNPTNT quy định về tiêu chí và thủ tục cấp giấy chứng nhận kinh tế trang trại

4. GAHP (Good Animal Husbandry Practice): là các biện pháp thực hành tốt trong chăn nuôi

5. Vệ sinh thú y: là việc đáp ứng các yêu cầu nhằm bảo vệ sức khỏe của vật nuôi, sức khỏe con người, môi trường và hệ sinh thái

6. Chất thải động vật: là chất thải phát sinh trong quá trình chăn nuôi, giết mổ, sơ chế, vận chuyển động vật và sản phẩm động vật.

Điều 5. Đăng ký và khai báo

1. Đăng ký chăn nuôi: Các cơ sở chăn nuôi thuộc đối tượng đăng ký kinh doanh thực hiện đăng ký kinh doanh chăn nuôi theo quy định tại Nghị định số 78/2015/NĐ-CP ngày 14/9/2015 về đăng ký doanh nghiệp

2. Khai báo chăn nuôi:

a) Tất cả cơ sở chăn nuôi thuộc đối tượng đăng ký kinh doanh hay không đều phải tự khai báo để được giám sát dịch tễ và điều kiện vệ sinh thú y, phòng chống dịch bệnh và điều kiện đảm bảo vệ sinh môi trường và an toàn thực phẩm

b) Cơ sở chăn nuôi thuộc đối tượng đăng ký kinh doanh và các trang trại khai báo Trạm thú y huyện, thành phố.

c) Cơ sở chăn nuôi không thuộc đối tượng đăng ký kinh doanh, các gia trại và chăn nuôi quy mô hộ (sau đây gọi là chăn nuôi nông hộ) khai báo với UBND xã, phường, thị trấn (gọi là UBND cấp xã)

d) Nội dung khai báo:

- Tên chủ cơ sở chăn nuôi:.....

- Địa chỉ:.....

- Quy mô:..... Phương thức chăn nuôi:.....

Điều 6. Những hành vi bị nghiêm cấm

1. Phát triển mới trang trại chăn nuôi trong khu dân cư

2. Sản xuất, kinh doanh giống giả, giống vật nuôi ngoài danh mục được phép sản xuất, kinh doanh; giống vật nuôi không đạt tiêu chuẩn

3. Sản xuất chăn nuôi gây ô nhiễm môi trường, mất an toàn vệ sinh thực phẩm và an toàn dịch bệnh.

4. Vứt xác động vật ốm, chết ra môi trường
5. Sử dụng chất cấm, kháng sinh ngoài danh mục theo quy định của Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn để trộn vào thức ăn, nước uống cho vật nuôi

Chương II

ĐIỀU KIỆN CHĂN NUÔI

Điều 7. Điều kiện trước khi tổ chức chăn nuôi

1. Các cơ sở chăn nuôi tập trung (trang trại, Doanh nghiệp) phải được xây dựng trong vùng quy hoạch, khuyến khích phát triển chăn nuôi công nghệ cao phù hợp với quy hoạch của tỉnh và kế hoạch sử dụng đất của địa phương và được sự chấp thuận của cấp có thẩm quyền.

2. Các cơ sở chăn nuôi tập trung có quy mô chuồng nuôi từ 1000m² trở lên (tương đương 200 con lợn nái hoặc 1000 con lợn thịt hoặc 5000 con gia cầm trở lên) phải thực hiện đánh giá tác động môi trường theo quy định tại Điều 4 Thông tư số 26/2015/TT-BTNMT ngày 28/5/2015 của Bộ Tài nguyên và môi trường.

3. Các cơ sở có quy mô từ trang trại đến quy mô dưới mức quy định tại Khoản 2 Điều này phải có cam kết hoặc kế hoạch bảo vệ môi trường được quy định tại Điều 33 Thông tư 27/2015/TT-BTNMT ngày 29/5/2015 của Bộ Tài nguyên và môi trường.

Điều 8. Địa điểm chăn nuôi

1. Các cơ sở chăn nuôi tập trung ngoài khu dân cư có khoảng cách từ cơ sở chăn nuôi đến trường học, bệnh viện, khu dân cư, nơi thường xuyên tập trung đông người, đường giao thông chính, nguồn nước mặt tối thiểu là 100m, các nhà máy chế biến, giết mổ gia súc, gia cầm, chợ buôn bán gia súc, gia cầm tối thiểu là 1000m (Riêng đối với cơ sở giết mổ gia súc, gia cầm quy mô hộ <30con/ngày đối với lợn ; 500 gia cầm/ ngày theo quy định của dự án Cạnh tranh ngành chăn nuôi và an toàn vệ sinh thực phẩm - LIFSAP)

2. Với chăn nuôi quy mô hộ : khu chăn nuôi, chuồng nuôi phải được xây dựng tách biệt nơi ở và nguồn nước sinh hoạt của con người, phải ngăn cách khu vực xung quanh bằng tường rào hoặc hàng rào.

3. Địa điểm xây dựng cơ sở chăn nuôi tập trung, trang trại đảm bảo có đủ nước hợp vệ sinh phục vụ chăn nuôi và xử lý môi trường.

4. Trong khu chăn nuôi tập trung, các cơ sở chăn nuôi, trang trại chăn nuôi chỉ được phép xây dựng chuồng nuôi, khoảng cách giữa các dãy chuồng là 10-15m đồng thời các trang trại phải dành đủ diện tích đất để áp dụng đầy đủ các biện pháp xử lý môi trường theo quy định tại Điều 13 của Quy định này.

Điều 9. Chuồng nuôi và thiết bị chăn nuôi

1. Khu chăn nuôi (đối với chăn nuôi trang trại, gia trại)

a) Phải có tường bao quanh để kiểm soát người, động vật, phương tiện ra vào cơ sở chăn nuôi

b) Tại cổng ra vào khu chăn nuôi phải có hồ khử trùng tiêu độc hoặc khu vực khử trùng.

c) Khu chăn nuôi phải đảm bảo thông thoáng, phòng chống cháy nổ, dễ dàng vệ sinh và đảm bảo đủ điều kiện để áp dụng các biện pháp thực hành tốt trong chăn nuôi (Vietgahp); bố trí riêng biệt các khu chuồng nuôi với các khu chức năng (như kho thức ăn, công trình cấp nước, khu vực xử lý chất thải...)

2. Chuồng nuôi và thiết bị chăn nuôi

a) Chuồng nuôi

Chuồng nuôi có thể là “chuồng hở” hoặc “chuồng kín” xong phải được thiết kế đúng kỹ thuật, đảm bảo định mức cho từng đối tượng vật nuôi ($1\text{m}^2/1$ lợn thịt; $4-5\text{ m}^2/\text{lợn nái}$ và $1\text{ m}^2/6-8$ gia cầm) phù hợp với từng lứa tuổi và mục đích sản xuất, chuồng nuôi phải đảm bảo vững chắc, thông thoáng, mái phải không bị dột, nền đảm bảo dễ làm vệ sinh, không trơn trượt, có độ dốc 3-5%, vách ngăn chuồng phải nhẵn..

Phải có ô/chuồng nuôi tân đáo đối với gia súc mới nhập ít nhất 15 ngày, chuồng cách ly gia súc ốm... những ô chuồng này phải bố trí ở cuối hướng gió.

Trước mỗi dãy chuồng phải có hồ khử trùng, tiêu độc

b) Thiết bị

Có đầy đủ máng ăn, máng uống (vòi uống) phù hợp với từng lứa tuổi, dễ làm vệ sinh và đảm bảo không gây độc, có dụng cụ chỉ dùng riêng cho chăn nuôi không dùng cho mục đích khác ngoài khu chăn nuôi.

Thiết bị chiếu sáng, hệ thống đèn sưởi, hệ thống thông thoáng và làm mát phải có công suất phù hợp, được bảo vệ chống vỡ, chống cháy nổ, đảm bảo an toàn cho vật nuôi và người sử dụng.

Điều 10. Giống và quản lý giống

1. Giống

a) Giống vật nuôi phải nằm trong danh mục giống được phép sản xuất, kinh doanh tại Việt Nam, phải khoẻ mạnh, có nguồn gốc xuất xứ rõ ràng, được nhập tại các cơ sở sản xuất, kinh doanh đảm bảo tiêu chuẩn theo quy định, đảm bảo chất lượng theo quy định.

b) Con giống phải được kiểm dịch của ngành thú y, được tiêm phòng đầy đủ các loại bệnh theo quy định, nhất là các bệnh nguy hiểm như LMLM, Tai xanh (đàn lợn), cúm gia cầm...

c) Vật nuôi nhập về phải được nuôi tân đào ít nhất 15 ngày và được theo dõi, ghi chép tình hình sức khỏe của con giống

2. Quản lý giống

a) Các cơ sở sản xuất kinh doanh con giống, sản xuất tinh “nhân tạo” thuộc đối tượng phải đăng ký kinh doanh, các trang trại, gia trại, đàn vật nuôi giống phải được giám định, bình tuyển của Sở Nông nghiệp & PTNT và phải thực hiện công bố tiêu chuẩn chất lượng cơ sở theo quy định, chất lượng con giống bán ra phải đảm bảo đúng tiêu chuẩn đã công bố.

b) Đàn vật nuôi giống phải được quản lý và sử dụng phù hợp với quy định hiện hành của Bộ Nông nghiệp – PTNT.

Điều 11. Thức ăn, nước uống

1. Thức ăn

a) Sử dụng thức ăn hoàn chỉnh cho ăn thẳng, thức ăn đậm đặc để phối trộn phải có xuất xứ rõ ràng, có dấu hợp quy và hạn sử dụng.

b) Sử dụng thức ăn tự phối trộn (từ các nguyên liệu có sẵn và thức ăn đậm đặc...) phải tuân thủ công thức được khuyến cáo, phù hợp với từng loại vật nuôi, từng giai đoạn sinh trưởng, sinh sản, từng lứa tuổi. Nguyên liệu để phối trộn phải đảm bảo chất lượng, không bị mốc, mọt, ôi thiu... Thức ăn tự phối trộn sử dụng không quá 07 ngày từ ngày phối trộn.

c) Nghiêm cấm sử dụng kháng sinh ngoài danh mục, kháng sinh vào giai đoạn vỗ béo, các chất cấm sử dụng trong chăn nuôi như Clenbuterol, salbutamol (chăn nuôi lợn) và chất vàng O (chăn nuôi gia cầm)

d) Không sử dụng thức ăn thừa của đàn vật nuôi đã xuất chuồng, thức ăn của đàn vật nuôi bị ôi, chết..

c) Thức ăn thành phẩm và nguyên liệu thức ăn được bảo quản tách biệt và được để trên các kệ gỗ..

2. Nước uống

a) Nước dùng cho vật nuôi uống phải là nước uống hợp vệ sinh, không nhiễm vi sinh vật, kim loại nặng (Asen, Thủy ngân, Xianua.)

b) Trong trường hợp phải tiêm thuốc, hoá chất vào nước không nhằm phòng, chống dịch bệnh hoặc trừ bệnh phải tuân thủ thời gian ngừng thuốc, ngừng hoá chất theo hướng dẫn của nhà sản xuất, tuyệt đối cấm sử dụng các loại kháng sinh, hoá chất cấm sử dụng trong chăn nuôi hoà vào nước cho vật nuôi uống.

Điều 12. Thú y và vệ sinh thú y.

1. Phải tiêm phòng đầy đủ các loại vaccin với các bệnh bắt buộc theo quy định của thú y như 3 bệnh đỏ (Dịch tả, đóng dấu, THT), LMLM, Tai xanh (trên đàn lợn), cúm gia cầm, Niucatxon, THT.. (trên đàn gia cầm)

2. Các chất sát trùng tại các hố sát trùng ra vào cơ sở chăn nuôi, khu chăn nuôi, chuồng nuôi phải được thay thế hoặc bổ sung thường xuyên.

3. Định kỳ phát quang bụi rậm, khơi thông cống rãnh, vệ sinh trong khu chăn nuôi 1 lần/tháng; định kỳ phun thuốc khử trùng tiêu độc xung quanh khu chăn nuôi, chuồng nuôi ít nhất 1 lần/2 tuần, trong khu chăn nuôi, chuồng nuôi ít nhất 1 lần/ tuần, khi có dịch uy hiếp và xảy ra 2-3 lần/tuần.

4. Có biện pháp kiểm soát người và phương tiện ra vào cơ sở chăn nuôi đảm bảo yêu cầu thú y, kiểm soát các loại côn trùng, gặm nhấm, động vật khác trong khu chăn nuôi khi sử dụng bẫy, bả phải có biển thông báo. Nghiêm cấm sử dụng điện để diệt chuột.

5. Sau mỗi đợt nuôi, mỗi lứa nuôi phải tổng vệ sinh chuồng, tiến hành tiêu độc khử trùng chuồng nuôi, dụng cụ chăn nuôi và để chống chuồng ít nhất 07 ngày trước khi tiếp tục nuôi lứa mới. Trong trường hợp cơ sở chăn nuôi bị dịch bên cạnh thực hiện tốt các biện pháp chống dịch theo quy định, phải để trống chuồng ít nhất 21 ngày.

Điều 13. Xử lý chất thải bảo vệ môi trường.

1. Thực hiện nghiêm chế độ quan trắc môi trường và đánh giá tác động môi trường theo quy định của ngành Tài nguyên – môi trường

2. Xử lý chất thải rắn (phân): được xử lý bằng một số biện pháp sau: Công trình khí sinh học (biogas) công suất 10-20 con lợn/hầm 10m³, phương pháp ủ hoai mục (compost), đệm lót sinh học (chủ yếu cho chăn nuôi gia cầm). Đối với cơ sở chăn nuôi tập trung phân phải được thu gom, bã biogas phải được tách và ủ hoai mục (compost) để sản xuất phân hữu cơ

a) Xác vật nuôi chết, vật nuôi mắc bệnh, nghi mắc bệnh phải được chôn hoặc đốt theo quy định của ngành thú y.

b) Chất thải có thành phần nguy hại phát sinh từ quá trình vệ sinh chuồng trại được xử lý theo hướng dẫn tại thông tư 30/2015/TT-BTNMT ngày 30/6/2015 và chất thải rắn đem đi xử lý bên ngoài cơ sở chăn nuôi phải đảm bảo quy định về vận chuyển chất thải hiện hành.

c) Nghiêm cấm xả thải phân, khí biogas ra môi trường.

3. Xử lý chất thải lỏng

a) Nước thải phải được dẫn trực tiếp từ các chuồng nuôi đến khu xử lý chất thải bằng hệ thống riêng và tách biệt với hệ thống dẫn nước mặt.

b) Nước phải được xử lý bằng một hoặc một nhóm giải pháp sau: biogas, bể lắng, bể lọc, ao sinh học, chế phẩm sinh học và phải áp dụng các biện pháp xử lý chất thải lỏng đảm bảo quy định tại QCVN 62-MT: 2016/BTNMT về quy chuẩn kỹ thuật Quốc gia về nước thải chăn nuôi. Đối với chăn nuôi tập trung phải xử lý

nước thải theo quy trình: Nước thải – Biogas – Bể lắng – Bể lọc – Ao sinh học – Môi trường

Nước thải chăn nuôi khi xả thải ra nguồn nước được dùng cho mục đích cấp nước sinh hoạt phải đạt các chỉ tiêu: PH: 6-9; BOD5 40mg/l; COD: 100mg/l; Tổng chất rắn lơ lửng: 50mg/l; Tổng Nitơ (theo N) 50mg/l; Tổng coliform: 3000 MPN hoặc CFU/100ml.

Nước thải chăn nuôi khi xả thải ra nguồn nước không dùng cho mục đích cấp nước sinh hoạt phải đạt các chỉ tiêu: PH: 5,5-9; BOD5 100mg/l; COD: 300mg/l; Tổng chất rắn lơ lửng: 150mg/l; Tổng Nitơ (theo N) 150mg/l; Tổng coliform: 5000 MPN hoặc CFU/100ml

Điều 14. Xuất bán vật nuôi

a) Chỉ xuất bán vật nuôi khỏe mạnh, không bị bệnh, xuất bán vật nuôi sau khi hết thời gian ngừng thuốc theo quy định trên nhãn thuốc của nhà sản xuất

b) Phải cung cấp đầy đủ hồ sơ, thông tin về nguồn gốc, tiêm phòng, tình hình điều trị bệnh.. của những cá thể xuất bán cho người nuôi (con giống) và người giết mổ (vật nuôi vỗ béo)

c) Các phương tiện vận chuyển phải đảm bảo đủ diện tích thích hợp để hạn chế rủi ro... và có biện pháp tránh rơi vãi chất thải trên đường ra môi trường trong quy định vận chuyển

Điều 15. Ghi chép sổ sách.

1. Phải có đầy đủ sổ sách ghi chép đầy đủ các hoạt động quá trình sản xuất kinh doanh chăn nuôi (số lượng, giống, thức ăn, thuốc thú y, tiêm phòng, quá trình điều trị, khử trùng tiêu độc...)

2. Sổ sách ghi chép phải rõ ràng, trung thực và được lưu giữ cẩn thận ít nhất 01 năm

Chương III

XỬ LÝ VI PHẠM

Điều 16 : Tổ chức, cá nhân chăn nuôi vật nuôi vi phạm Quy định này hoặc các quy định khác của pháp luật về thú y, giống vật nuôi, thức ăn chăn

nuôi, vệ sinh môi trường và vệ sinh an toàn thực phẩm bị xử phạt theo quy định của pháp luật hiện hành.

Chương IV

TỔ CHỨC THỰC HIỆN

Điều 17 : Tổ chức thực hiện

1. Sở Nông nghiệp và Phát triển Nông thôn chủ trì, phối hợp với các sở, ngành có liên quan, Ủy ban nhân dân cấp huyện tổ chức quán triệt, tuyên truyền phổ biến và thực hiện nghiêm Quy định này.

2. Trong quá trình thực hiện, nếu có những vấn đề phát sinh cần phải sửa đổi bổ sung, Sở Nông nghiệp và Phát triển Nông thôn có trách nhiệm trao đổi với các ngành và các địa phương liên quan, tổng hợp đề xuất trình UBND tỉnh xem xét quyết định./.

Nơi nhận:

- Chủ tịch, các PCT;
- Các sở, ban, ngành, đoàn thể tỉnh;
- UBND các huyện, TP;
- Lưu VT

**TM. ỦY BAN NHÂN DÂN
CHỦ TỊCH**

Nguyễn Văn Phóng